

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2026/HS-PT
Ngày 23 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Sỹ

Các Thẩm phán: Ông Trương Nam Trung

Ông Ung Quang Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Lệ Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 43/2026/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo Lê Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2026/HS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Lê Đ, sinh ngày 01/01/1981 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); số căn cước công dân: 052081011333; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: thợ xây; trình độ học vấn: 7/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê T (chết) và bà Lê Thị N, sinh năm 1944; vợ: Lê Thị C, sinh năm 1993; con: Có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/10/2021, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, thị xã H, tỉnh Bình Định (cũ) xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, đã nộp phạt xong. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/10/2025 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Đặng Đức H, Dương Hồng Đ1, Mai Xuân T1, Lê M không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 05/8/2025, Dương Hồng Đ1, Đặng Đức H, Lê M và Mai Xuân T1 tập trung tại nhà Lê Đ ở tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai để uống bia. Sau đó, H rủ Đ1, T1 và M đánh bạc thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng dưới hình thức rung xúc bầu cua thì cả nhóm đồng ý. H và Đ1 ra xe lấy bộ bầu cua, hột bầu cua vào nhà Đ để chơi. Trước khi chơi, M mang theo trong người 22.201.000 đồng, đưa cho Đ 150.000 đồng trả tiền bia và sử dụng 450.000 đồng để đánh bạc; Đ1 sử dụng 1.520.000 đồng để đánh bạc; H sử dụng 3.100.000 đồng để đánh bạc; T1 sử dụng 380.000 đồng để đánh bạc. Đánh đồng ý cho cả nhóm đánh bạc tại nhà mình và nằm trên võng để xem.

Các bị cáo thỏa thuận hình thức chơi bầu cua như sau: Chủ cái là Đ1 sử dụng một đĩa nhôm, tô nhôm đáy kín, bên trong có 03 khối lập phương được làm bằng xốp, mỗi mặt của khối lập phương có dán hình 06 con vật: bầu, cua, tôm, cá, gà, nai và một bàn giấy có in hình 06 con vật tương ứng. Chủ cái dùng tô nhôm đáy kín trên đĩa nhôm xúc cho 03 khối lập phương nhảy lộn xộn rồi đặt xuống nền, người chơi đặt tiền cược vào các con vật in trên bàn giấy hoặc có thể tả tiền của nhau. Sau đó, chủ cái mở tô nhôm ra, nếu mặt trên cùng của 03 khối lập phương trên đĩa nhôm có con vật phù hợp với hình con vật mà người chơi đặt trên bàn giấy thì chủ cái thua và chung tiền với tỷ lệ trúng 01 hình thì chung 1:1, trúng 02 hình thì chung 1:2, trúng 03 hình thì chung 1:3, nếu hình con vật trên mặt trên của 03 khối lập phương khác với hình con vật mà người chơi đã đặt trên bàn giấy thì chủ cái thắng, người chơi mất toàn bộ số tiền đã đặt cược.

Đến 15 giờ 00 phút cùng ngày, Công an phường H kiểm tra phát hiện, lập biên bản và tạm giữ tổng số tiền H, Đ1, T1 và M dùng đánh bạc là 5.450.000 đồng. Trong đó, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 645.000 đồng; thu giữ số tiền dùng để đánh bạc trên tay, trong người và dưới chân các bị cáo 4.805.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 20/01/2026, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đã căn cứ khoản 1 Điều 321, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo Đặng Đức H, Dương Hồng Đ1, Mai Xuân T1, Lê M; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 27/01/2026, bị cáo Lê Đ kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ thay đổi yêu cầu kháng cáo, xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L Đ, sửa bản án

sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Đ, xử phạt bị cáo Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 13 giờ ngày 05/8/2025 tại nhà Lê Đ ở tổ dân phố T, phường H, tỉnh Gia Lai, sau khi nhậu xong, Dương Hồng Đ1, Đặng Đức H, Lê M và Mai Xuân T1 rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền Việt Nam đồng dưới hình thức rung xóc bầu cua. Đến 15 giờ 00 phút cùng ngày, Công an phường H kiểm tra phát hiện, lập biên bản và tạm giữ tổng số tiền H, Đ1, T1 và M dùng đánh bạc là 5.450.000 đồng. Mặc dù không tham gia chơi nhưng Đ đã có hành vi giúp sức, cung cấp địa điểm là nhà ở thuộc quyền sở hữu của mình cho 04 bị cáo có tên nêu trên thực hiện đánh bạc trái phép.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai đã xét xử bị cáo Lê Đ về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Đ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình ăn nhậu, các bị cáo Đ1, H, M và T1 đã bộc phát, nảy sinh hành động rủ nhau đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi bầu cua. Mặc dù biết rõ hành vi đánh bạc nêu trên là vi phạm pháp luật nhưng vì nể nang, sợ mất lòng bạn bè nên bị cáo Đ đã đồng ý cung cấp địa điểm là hiên nhà của mình để 04 bị cáo có tên nêu trên thực hiện hành vi đánh bạc. Ngoài hành vi nêu trên thì bị cáo Đ không tham gia đánh bạc, không có thu lợi gì đối với việc cho mượn địa điểm để đánh bạc, bị cáo tham gia với vai trò là người giúp sức, có vai trò không đáng kể nên so với các bị cáo Đ1, H, M, T1 (là người thực hành, chơi đánh bạc trực tiếp) thì vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo Đ là thấp nhất. Mặc dù bị cáo Đ đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác vào năm 2021 nhưng bị cáo đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính, đã được xóa tiền sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Đ 06 tháng tù, trong khi đó xử phạt các bị cáo H, Đ1 12 tháng cải tạo không giam giữ và xử phạt các bị cáo M, Trang 09 tháng cải tạo không giam giữ là không phù hợp, chưa thực hiện việc phân hóa hình phạt cũng như không tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của từng bị cáo.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo H, Đ1, M, T1 hình phạt cải tạo không giam giữ nhưng không nhận định cũng như không quyết định về phần khấu trừ thu nhập đối với 04 bị cáo nêu trên là vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự “*Trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực*

hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. Trong trường hợp đặc biệt, Tòa án có thể cho miễn việc khấu trừ thu nhập, nhưng phải ghi rõ lý do trong bản án”.

Đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong những lần xét xử tiếp theo đối với các sai sót trên.

[2.2] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, tại cấp sơ thẩm bị cáo đã cung cấp các tài liệu chứng minh cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, đã được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng ba, khi còn sống cha bị cáo (ông Lê T) được hưởng chính sách như thương binh nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét và đồng thời tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng của mẹ bị cáo (bà Lê Thị N) do là người có công cách mạng; do đó, bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy bị cáo Lê Đ có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo tham gia với vai trò là người giúp sức, có vai trò thứ yếu không đáng kể, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tại phiên tòa nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà giao bị cáo về địa phương để giám sát và giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa tội phạm chung, việc cho bị cáo được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ không gây nguy hiểm cho xã hội và đồng thời cũng đảm bảo tính công bằng khi xem xét về phần hình phạt giữa bị cáo đối với các bị cáo khác trong vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo Lê Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Đ có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc diện gia đình có công với cách mạng, hiện nay mẹ bị cáo đang hưởng tiền ưu đãi hàng tháng do là người có công cách mạng nên xét miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đ.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đáng . Sửa bản án sơ thẩm số 04/2026/HS-ST ngày 20/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Gia Lai về phần hình phạt đối với bị cáo Lê Đáng .

2. Xử phạt bị cáo Lê Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an tỉnh G nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lê Đ cho Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

3. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Lê Đáng .

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Lê Đ không phải chịu.

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND khu vực 6 – Gia Lai;
- VKSND khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 6, tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng GD, KT, TT và THA TAND tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Sỹ